ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: CHĂM SÓC BÀ MẸ CHUYỂN DẠ ĐẺ

NGÀNH: HỘ SINH

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CĐKT ngày ….. tháng ..... năm……..của Trường Cao đẳng Y tế Sơn La)

Sơn La, năm 2023

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện một số điều theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 11/3/2017 của Bộ lao động, Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp trình độ cao đẳng, Trường Cao đẳng Y tế Sơn La đã tổ chức biên soạn tài liệu dạy/học một số môn cơ sở và chuyên ngành theo chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng nhằm từng bước xây dựng bộ tài liệu chuẩn trong công tác đào tạo.

Với thời lượng học tập 105 giờ (Lý thuyết: 44 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

Giáo trình *Chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ* được biên soạn theo nội dung của chương trình đào tạo ngành Hộ sinh hệ chính qui Trường Cao đẳng Y tế Sơn La.

Nội dung cuốn sách cung cấp cho người Hộ sinh những kiến thức và kỹ năng liên quan đến *Chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ* . Người Hộ sinh đóng một vai trò quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ xử trí, chăm sóc hiệu quả cho bà mẹ trong quá trình chuyển dạ đẻ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ, phát hiện các trường hợp chuyển dạ có nguy cơ đảm bảo an toàn và cải thiện sức khỏe cho mẹ và thai nhi.

Giáo trình là tài liệu học tập cho sinh viên khối ngành sức khỏe nói chung và sinh viên Hộ sinh nói riêng, ngoài ra còn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho cán bộ làm công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học cho các sinh viên.

Trong quá trình biên soạn chắc chắn còn nhiều thiếu sót, chưa thật sự làm hài lòng bạn đọc, chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp để nội dung giáo trình hoàn thiện hơn trong các lần sau.

Nội dung của giáo trình bao gồm các bài sau:

Bài 1. Sinh lý và lâm sàng chuyển dạ

Bài 2. Ngôi chỏm và cơ chế đẻ ngôi chỏm

Bài 3. Chăm sóc thai phụ trong chuyển dạ

Bài 4. Biểu đồ chuyển dạ

Bài 5. Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau sinh

Bài 6. Chăm sóc thai phụ đẻ khó do mẹ

Bài 7. Chăm sóc thai phụ đẻ khó do thai

Bài 8. CS thai phụ đẻ khó do cơn co tử cung

Bài 9. Chăm sóc thai thai phụ đẻ khó do phần phụ của thai

Bài 10. CS thai phụ có các biến cố trong CD

Bài 11. Kỹ thuật bấm ối

Bài 12. Kỹ thuật đỡ đẻ ngôi chỏm

Bài 13. Kỹ thuật đỡ đẻ ngôi ngược

Bài 14. Kỹ thuật kiểm soát buồng tử cung

Bài 15. Kỹ thuật cắt khâu tầng sinh môn

Bài 16. KT xử trí tích cực giai đoạn 3 của CD

Bài 17. Kỹ thuật hồi sức ngạt sơ sinh

Bài 18. Kỹ thuật cân và đo trẻ sơ sinh

Bài 19. Kỹ thuật tắm trẻ sơ sinh

Sinh viên muốn tìm hiểu sâu hơn các kiến thức chăm sóc sức khỏe phụ nữ bà mẹ và gia đình có thể sử dụng sách giáo khoa dành cho đào tạo cử nhân điều dưỡng, bác sĩ về lĩnh vực này như: Điều dưỡng sản phụ khoa, Bài giảng sản phụ khoa. Các kiến thức liên quan đến Sản chúng tôi không đề cập đến trong chương trình giảng dạy.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã tham khảo và trích dẫn từ nhiều tài liệu được liệt kê tại mục Danh mục tài liệu tham khảo. Chúng tôi chân thành cảm ơn các tác giả của các tài liệu mà chúng tôi đã tham khảo.

Bên cạnh đó, giáo trình cũng không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, phản hồi từ quý đồng nghiệp, các bạn người học và bạn đọc.

Trân trọng cảm ơn./.

Sơn La, ngày tháng năm 2021

Tham gia biên soạn

1. CN. Phạm Thị Lan Phương (Chủ biên)
2. Th.S. Nguyễn Thị Nga

MỤC LỤC

Tuyên bố bản quyền 1
Lời giới thiệu 3
Bài 1. Sinh lý và lâm sàng của chuyển dạ 14
Bài 2. Ngôi chỏm và cơ chế đẻ ngôi chỏm 23
Bài 3. Chăm sóc thai phụ trong chuyển dạ 34
Bài 4. Biểu đồ chuyển dạ 50
Bài 5. Chăm sóc thiết yết bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau sinh 57
Bài 6. Chăm sóc thai phụ đẻ khó do nguyên nhân từ mẹ 67
Bài 7. Chăm sóc thai phụ có nguyên nhân đẻ khó do thai 77
Bài 8. Chăm sóc thai phụ đẻ khó do cơn co tử cung 94
Bài 9. Chăm sóc thai phụ có nguyên nhân đẻ khó do phần phụ của thai 103
Bài 10. Chăm sóc thai phụ có các biến cố trong chuyển dạ 117
Bài 11: Kỹ thuật bấm ối 135
Bài 12: Kỹ thuật đỡ đẻ ngôi chẩm 141
Bài 13: Kỹ thuật đỡ đẻ ngôi ngược 155
Bài 14: Kỹ thuật kiểm soát buồng tử cung 166
Bài 15: Kỹ thuật cắt, khâu tầng sinh môn 172
Bài 16. Kỹ thuật xử trí tích cực giai đoạn iii chuyển dạ 179
Bài 17. Kỹ thuật hồi sức ngạt sơ sinh 186
Bài 18: Kỹ thuật cân và đo trẻ sơ sinh 194
Bài 19. Kỹ thuật tắm trẻ 199

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn học: Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ đẻ

2. Mã môn học: 430323

Thời gian thực hiện môn học: 105 giờ (Lý thuyết: 44 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

3. Vị trí, tính chất của môn học

3.1. Vị trí: Giáo trình dành cho người học trình độ Cao đẳng Hộ sinh tại trường Cao đẳng Y tế Sơn La.

3.2. Tính chất: Giáo trình cung cấp kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm cho người học liên quan đến Chăm sóc Bà mẹ chuyển dạ đẻ, gồm có: sinh lý chuyển dạ, cơ chế đẻ và nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị và chăm sóc các chuyển dạ đẻ khó. Qua đó, người học đang học tập tại trường sẽ: (1) có bộ giáo trình phù hợp với chương trình đào tạo của trường; (2) dễ dàng tiếp thu cũng như vận dụng các kiến thức và kỹ năng được học vào môi trường học tập và thực tế lâm sàng.

3.3. Ý nghĩa và vai trò của môn học: Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ đẻ là môn học chuyên môn ngành nghề cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng thurucj hành về chăm sóc cho bà mẹ trong quá trình chuyển dạ đẻ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ. Đồng thời giúp người học hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong học tập và thực hành trên lâm sàng.

4. Mục tiêu môn học

4.1.Về kiến thức:

A1. Trình bày được những vấn đề cơ bản về sức khoẻ của bà mẹ và thai nhi trong chuyển dạ đẻ.

A2. Trình bày được tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc tới sức khỏe bà mẹ và thai nhi trong chuyển dạ đẻ.

A3. Trình bày được một số yếu tố nguy cơ trong quá trình chuyển dạ đẻ.

4.2. Về kỹ năng:

B1. Thực hiện được các quy trình kỹ thuật trong chăm sóc bà mẹ và thai nhi trong chuyển dạ đẻ.

B2. Lập được kế hoạch chăm sóc bà mẹ và thai nhi trong chuyển dạ đẻ.

4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

C1. Thể hiện được năng lực tự học, tự nghiên cứu trong học tập.

C2. Chịu trách nhiệm về kết quả học tập của bản thân, sự chính xác trong công tác hộ sinh sau này.

5. Nội dung môn học

5.1. Chương trình khung

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**22**	**435**	**157**	**255**	**23**
430301	Chính trị	4	75	41	29	5
430302	Tiếng anh	6	120	42	72	6
430303	Tin học	3	75	15	58	2
430304	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
430305	Giáo dục quốc phòng - an ninh	5	75	36	35	4
430306	Pháp luật	2	30	18	10	2
II	**Các môn học chuyên môn**	**96**	**2655**	**654**	**1924**	**77**
II.1	**Môn học cơ sở**	**31**	**585**	**332**	**230**	**23**
430307	Sinh học	2	45	14	29	2
430308	Hóa học - Hóa sinh	3	45	42	0	3
430309	Giải phẫu - Sinh lý	3	60	29	29	2
430310	Vi sinh ký sinh trùng	3	60	29	28	3
430311	Dược lý	1	15	14	0	1
430312	Y đức	2	30	29	0	1
430313	Môi trường và sức khoẻ	2	30	29	0	1
430314	Tổ chức và QLYT	2	30	29	0	1
430315	Giao tiếp - GDSK	3	60	29	29	2
430316	Dinh dưỡng tiết chế	2	30	29	0	1

430317	Điều dưỡng cơ sở	4	90	29	58	3
430318	Xác suất thống kê	2	45	15	29	1
430319	KSNK	2	45	15	28	2
II.2	**Môn học chuyên môn**	**61**	**1950**	**303**	**1598**	**49**
430320	Thực hành lâm sàng kỹ thuật điều dưỡng	2	90	0	86	4
430321	CS sức khỏe phụ nữ và nam học	3	60	29	29	2
430322	CSBM thời kỳ mang thai	3	60	29	29	2
430323	CSBM chuyển dạ đẻ	5	105	44	58	3
430324	CSBM sau đẻ	3	45	43	0	2
430325	CSSK trẻ em	4	75	44	29	2
430326	TH lâm sàng Sản vòng 1	4	180	0	176	4
430327	TH lâm sàng Sản vòng 2	4	180	0	176	4
430328	TH lâm sàng Nhi	4	180	0	176	4
430329	TH lâm sàng CSSKSS	4	180	0	176	4
430330	Quản lý điều dưỡng	3	60	29	29	2
430331	CSSKSS cộng đồng	3	105	13	90	2
430332	Thực tập lâm sàng nghề nghiệp	6	270	0	266	4
430333	NCKH	2	45	15	29	1
430334	DSKHHGĐ – Phá thai an toàn	2	45	14	29	2
430335	CSSK người lớn	3	45	28	15	2
430336	TH lâm sàng CSSK người lớn	4	180	0	176	4
430337	Tiếng anh chuyên ngành	2	45	15	29	1

II.3	**Môn học tự chọn**	**4**	**120**	**19**	**96**	**5**
	Nhóm 1					
430338	CSNB Truyền nhiễm	2	30	19	10	1
430339	TH lâm sàng CSNBTN	2	90	0	86	4
	Nhóm 2					
430338	CS NB CK hệ nội	2	30	19	10	1
430339	TH lâm sàng CSNBCK hệ nội	2	90	0	86	4
Tổng cộng		**118**	**3090**	**811**	**2179**	**100**

5.2. Chương trình chi tiết môn học

Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
Bài 1. Sinh lý và lâm sàng chuyển dạ	4	4	0	
Bài 2. Ngôi chỏm và cơ chế đẻ ngôi chỏm	4	4	0	
Bài 3. Chăm sóc thai phụ trong chuyển dạ	6	4	2	
Bài 4. Biểu đồ chuyển dạ	6	2	4	
Bài 5. Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau sinh	4	4	0	
Bài 6. Chăm sóc thai phụ đẻ khó do mẹ	5	4	1	
Bài 7. Chăm sóc thai phụ đẻ khó do thai	5	4	1	
Bài 8. Chăm sóc thai phụ đẻ khó do cơn co tử cung	4	3	1	
Bài 9. Chăm sóc thai thai phụ đẻ khó do phần phụ của thai	4	3	1	
Bài 10. Chăm sóc thai phụ có các biến cố trong chuyển dạ	3	3	0	

Bài 11. Kỹ thuật bấm ối	5	1	4	
Bài 12. Kỹ thuật đỡ đẻ ngôi chỏm	5	1	4	
Bài 13. Kỹ thuật đỡ đẻ ngôi ngược	9	1	8	
Bài 14. Kỹ thuật kiểm soát buồng tử cung	5	1	4	
Bài 15. Kỹ thuật cắt, khâu tầng sinh môn	9	1	8	
Bài 16. Kỹ thuật xử trí tích cực giai đoạn 3 của chuyển dạ	5	1	4	
Bài 17. Kỹ thuật hồi sức ngạt sơ sinh	9	1	8	
Bài 18. Kỹ thuật cân và đo trẻ sơ sinh	5	1	4	
Bài 19. Kỹ thuật tắm trẻ sơ sinh	5	1	4	
Tổng	**105**	**44**	**58**	**3**

6. Điều kiện thực hiện môn học:

6.1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn

6.2. Trang thiết bị: Máy vi tính, máy chiếu projector, phấn ,bảng, trang thiết bị thực hành.

6.3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, bài tập tình huống, dụng cụ thực hành, mô hình, bảng trình tự kỹ thuật.

6.4. Các điều kiện khác: Mạng Internet

7. Nội dung và phương pháp đánh giá:

7.1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

7.2. Đánh giá:

7.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-LĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Y tế Sơn La như sau:

Điểm đánh giá	**Trọng số**
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

TaiLieu.vn

7.2.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá	Phương pháp tổ chức	Hình thức kiểm tra	Chuẩn đầu ra đánh giá	Số cột	Thời điểm kiểm tra
Thường xuyên	Viết/ Thuyết trình	Tự luận	A1, A2, B1, B2, C1, C2	1	Sau khi học xong bài 1 đến bài 4
Định kỳ	Viết	Tự luận	A1, A2, B1, B2,	1	Sau khi học xong bài 5 đến bài 10
	Thực hành	Thực hành		1	Sau khi học xong bài 11 đến bài 19
Kết thúc môn học	Viết	Tự luận cải tiến	A1, A2, B1, B2, C1, C2	1	Sau 105 giờ

7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

8. Hướng dẫn thực hiện môn học

8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Môn học được áp dụng cho đối tượng sinh viên Cao đẳng Hộ sinhhệ chính quy học tập tại Trường CĐYT Sơn La.

8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

8.2.1. Đối với người dạy

+ Lý thuyết: Thuyết trình, động não, thảo luận nhóm, làm việc nhóm, giải quyết tình huống.

+ Thực hành, bài tập: Thảo luận nhóm, giải quyết tình huống, đóng vai, làm mẫu, cầm tay chỉ việc.

+ Hướng dẫn tự học theo nhóm: Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

8.2.2. Đối với người học: Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 70% các buổi giảng lý thuyết và đầy đủ các bài tích hợp, thực hành. Nếu người học vắng >30% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 người học sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi người học sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm. Mỗi người học chịu trách nhiệm về bài thực hành kỹ thuật của mình.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

TaiLieu.vn

BÀI 1. SINH LÝ VÀ LÂM SÀNG CỦA CHUYỂN DẠ

❖ GIỚI THIỆU BÀI 1

Bài 1 là bài giới thiệu tổng quan và nghiên cứu vấn đề có liên quan đến sinh lý chuyển dạ và những thay đổi về phía mẹ, phía thai và phần phụ của thai khi chuyển dạ. Đây là một phần rất quan trọng trong sản khoa, góp phần hiểu những cơ sở của chuyển dạ, các dấu hiệu cũng như giai đoạn chuyển dạ sẽ giúp bạn cảm thấy vững tin cho quá trình học và thực hành

❖ MỤC TIÊU BÀI 1

Sau khi học xong bài này, người học có khả năng:

➢ ***Về kiến thức:***

- Mô tả được các giai đoạn và thời gian của cuộc chuyển dạ.

- Trình bày được các dấu hiệu chẩn đoán chuyển dạ và động lực của cuộc chuyển dạ.

- Trình bày được những thay đổi về phía mẹ, thai nhi, phần phụ của thai do tác dụng của cơn co tử cung khi chuyển dạ.

➢ ***Về kỹ năng:***

- Vận dụng các kiến thức đã học để thăm khám, chẩn đoán chuyển dạ trên lâm sàng.

➢ ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:***

- Có năng lực tự chủ và trách nhiệm, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng phụ nữ khi thăm khám và chẩn đoán.

❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP BÀI 1

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập bài 1 (cá nhân hoặc nhóm).

- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (Bài 1) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận bài 1 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN BÀI 1

- Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.

- Các điều kiện khác: Không có

❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ BÀI 1

- Nội dung:

- ✓ *Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức*
- ✓ *Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kĩ năng.*
- ✓ *Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:*

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

- Phương pháp kiểm tra đánh giá:

- ✓ ***Điểm kiểm tra thường xuyên:*** *1 điểm kiểm tra (hình thức: vấn đáp)*
- ✓ ***Kiểm tra định kỳ lý thuyết:*** *không có*

TaiLieu.vn

NỘI DUNG BÀI 1

1. Đại cương

Chuyển dạ đẻ là một quá trình sinh lý xảy ra vào cuối thời kỳ mang thai, mở đầu là cơn co tử cung, kết thúc là thai và rau được đưa ra khỏi buồng tử cung qua đường âm đạo.

Thời gian thai nhi sống trong buồng tử cung trung bình là 280 ngày (40 tuần), lúc đó thai đã trưởng thành và có khả năng sống độc lập ngoài tử cung.

Đẻ đủ tháng là cuộc chuyển dạ đẻ xảy ra tự nhiên khi thai đủ tháng (từ 37- 41 tuần). Đẻ non tháng là cuộc chuyển dạ xảy ra tự nhiên khi thai từ 22 - < 37 tuần. Đẻ già tháng là cuộc chuyển dạ xảy ra tự nhiên khi tuổi thai > 41 tuần.

2. Các giai đoạn và thời gian của chuyển dạ

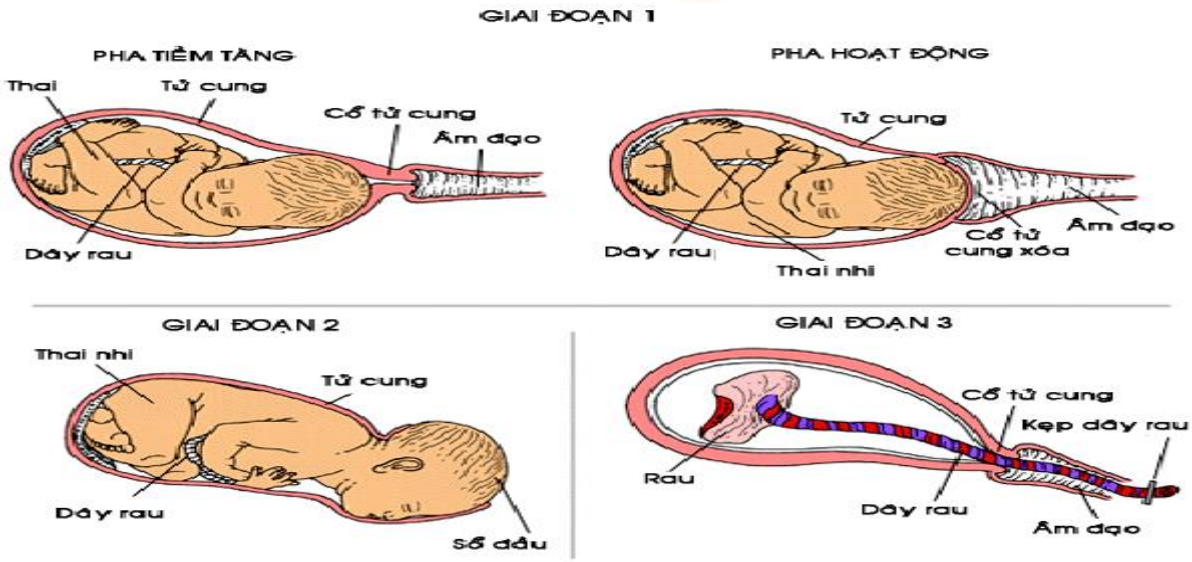

Hình 1.1. Các giai đoạn chuyển dạ

Một cuộc chuyển dạ được chia làm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1(giai đoạn xóa mở cổ tử cung): Tính từ lúc cổ tử cung bắt đầu xóa đến khi cổ tử cung mở hết, đây là giai đoạn lâu nhất.

- Giai đoạn 1 được chia làm 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1a (pha tiềm tàng): Được tính từ khi cổ tử cung bắt đầu xóa đến khi cổ tử cung mở được 3cm, thời gian trung bình là 8 giờ.

+ Giai đoạn 1b (pha tích cực): Tính từ khi cổ tử cung mở 3cm đến khi mở hết 10cm, thời gian trung bình là 7 giờ.

- Giai đoạn 2 (giai đoạn sổ thai): Tính từ lúc cổ tử cung mở hết đến khi thai sổ ra ngoài, thời gian trung bình là 30 - 45 phút và tối đa không quá 1 giờ.

- Giai đoạn 3 (giai đoạn sổ rau): Tính từ lúc thai sổ đến khi rau sổ, thời gian trung bình là 15 - 30 phút.

Ở người con so thời gian chuyển dạ trung bình là 16 - 20 giờ. Ở người con rạ thời gian chuyển dạ trung bình là 8 - 12 giờ.

Nếu vượt quá thời gian trên thì gọi là chuyển dạ kéo dài.

3. Dấu hiệu chẩn đoán chuyển dạ

Chẩn đoán là chuyển dạ khi có ít nhất 3 trong 5 dấu hiệu sau:

- Đau bụng từng cơn, tăng dần.
- Ra dịch nhầy hồng ở âm đạo.
- Có sự xóa mở cổ tử cung.
- Đầu ối được thành lập.
- Có sự tiến triển của ngôi thai sau mỗi cơn co tử cung.

4. Động lực của cuộc chuyển dạ

4.1. Đặc điểm của cơn co tử cung

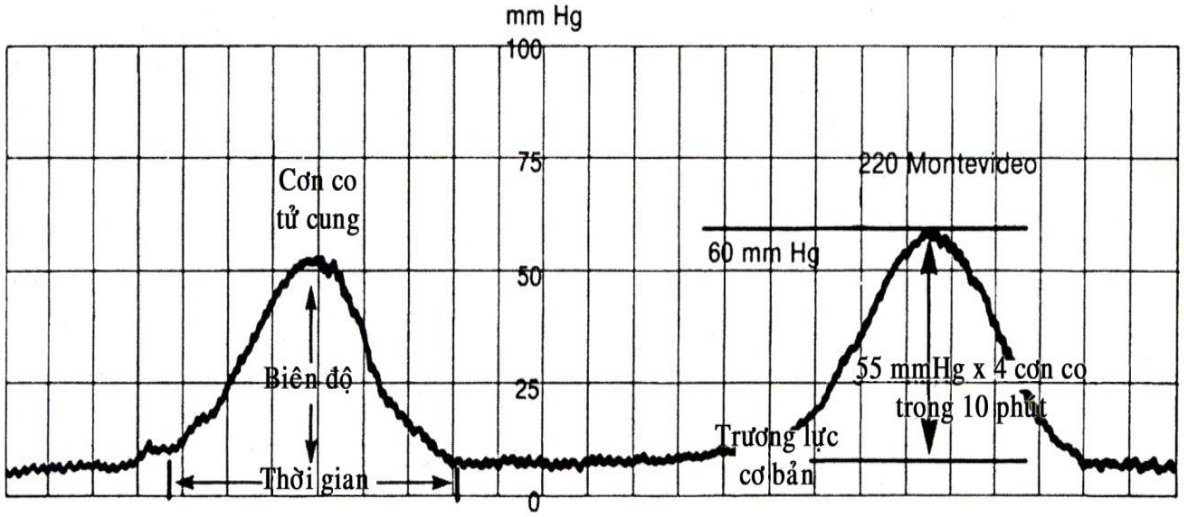

Sơ đồ 1.1. Đặc điểm cơn co tử cung

- Áp lực cơn co tử cung được tính bằng milimet thủy ngân (mmHg).
- Trước 30 tuần của thai nghén tử cung hầu như không có cơn co.
- Một đến hai tuần trước khi chuyển dạ, tử cung có các cơn co nhẹ nhàng, áp lực 13 đến 15 mmHg gọi là cơn co Hicks. Đặc điểm của cơn co Hicks là không gây đau.
- Trương lực cơ bản của tử cung: Bình thường ngoài cơn co, cơ tử cung vẫn trong tình trạng hơi co được gọi là trương lực cơ bản, bình thường trương lực cơ bản là 8 - l0mmHg.
- Cường độ cơn co tử cung là áp lực buồng tử cung ở thời điểm cao nhất của mỗi cơn co.
- Độ dài của cơn co được tính từ khi tử cung bắt đầu co bóp đến khi hết cơn co, đơn vị tính là giây.

- Khoảng cách giữa hai cơn co tử cung được tính bằng phút.

- Tần số của mỗi cơn co tăng dần trong quá trình chuyển dạ, khi mới chuyển dạ khoảng 15 đến 20 phút mới có một cơn và ngắn dần đến khi cổ tử cung mở hết thì cứ 2 phút có một cơn co tử cung.

4.2. Đặc điểm của cơn co tử cung trong chuyển dạ

- Cơn co tử cung xuất hiện một cách tự nhiên ngoài ý muốn của thai phụ. Do điểm xuất phát của cơn co tử cung nằm ở các hạch thần kinh trên cơ tử cung.

- Cơn co tử cung có tính chất chu kỳ và đều đặn, sau một thời gian co bóp là một khoảng thời gian nghỉ rồi lại tiếp tục vào một chu kỳ mới. Cơn co tử cung mau dần lên, khoảng cách giữa các cơn co ngày càng ngắn lại. Khi mới chuyển dạ 15-20 phút mới có một cơn co tử cung, sau đó khoảng thời gian này ngày càng ngắn lại, đến cuối giai đoạn I cứ 1 - 2 phút có một cơn co tử cung.

- Cơn co tử cung dài dần ra, khi bắt đầu chuyển dạ mỗi cơn co tử cung chỉ kéo dài 15 - 20 giây, sau đạt tới 30 - 40 giây ở cuối giai đoạn I.

- Cường độ cơn co tử cung cũng tăng dần, khi mới bắt đầu chuyển dạ áp lực cơn co tử cung 30 - 35mmHg, sau đó tăng dần lên đến 50 - 55mmHg ở cuối giai đoạn I và trong giai đoạn sổ thai cường độ cơn co tử cung có thể lên đến 60 - 70mmHg.

- Cơn co tử cung có tính 3 giảm: Áp lực, thời gian, sự lan truyền của cơn co tử cung đều giảm từ trên xuống dưới.

Tác dụng của cơn co tử cung trong chuyển dạ

+ Giúp cho đoạn dưới thành lập và cổ tử cung xoá và mở.

+ Làm cho đầu ối được thành lập.

+ Giúp cho ngôi thai bình chỉnh.

+ Đẩy thai nhi ra khỏi đường sinh dục, người mẹ qua các giai đoạn: Lọt, xuống, quay, sổ.

4.3. Cơn co tử cung và cơn co thành bụng trong giai đoạn sổ thai

Trong giai đoạn II của chuyển dạ, cơn co tử cung phối hợp với cơn co thành bụng giúp đẩy thai nhi ra ngoài. Cơ hoành đẩy xuống thấp trong ổ bụng, cơ thành bụng co lại nên thể tích của ổ bụng giảm xuống làm áp lực ổ bụng tăng lên, ép vào đáy tử cung làm đẩy thai xuống phía dưới. Vào cuối giai đoạn sổ thai, áp lực của cơn co tử cung lớn dần và cơn co thành bụng diễn ra đã làm áp lực buồng ối tăng lên 120 - 150mmHg. Do vậy, việc hướng dẫn sản phụ rặn đẻ đúng cách rất có giá trị, giúp thời kỳ sổ thai nhanh hơn.

5. Thay đổi về phía mẹ, thai nhi và phần phụ của thai do tác dụng của cơn co tử cung

5.1. Thay đổi về phía mẹ

5.1.1. Sự xoá mở cổ tử cung và thành lập đoạn dưới

- Xoá: Là hiện tượng đường kính lỗ trong cổ tử cung rộng dần ra trong khi lỗ ngoài chưa thay đổi. Như vậy cổ tử cung biến đổi từ hình trụ thành hình chóp cụt. Khi cổ tử cung xoá hết thì cổ tử cung cùng với đoạn dưới thành lập ống cổ - đoạn dưới.

- Mở: Là hiện tượng lỗ ngoài cổ tử cung giãn rộng ra. Khi cổ tử cung xoá hết, lỗ ngoài cổ tử cung mở 1cm, đến khi mở hết là 10cm. Lúc đó tử cung thông thẳng với âm đạo và thành lập ống cổ - đoạn - âm đạo còn gọi là ống đẻ.

Thời gian xoá mở cổ tử cung diễn ra không đều. Trong giai đoạn đầu (Ia) mất 8 giờ. Giai đoạn sau (Ib) mất 7 giờ, tốc độ trung bình là lcm/giờ.

- Sự xoá mở cổ tử cung nhanh hay chậm phụ thuộc vào các yếu tố:

+ Đầu ối đè vào cổ tử cung nhiều hay ít.

+ Cơn co tử cung có đồng bộ và đủ mạnh hay không.

+ Tình trạng cổ tử cung: Dày cứng, sẹo xơ cũ.

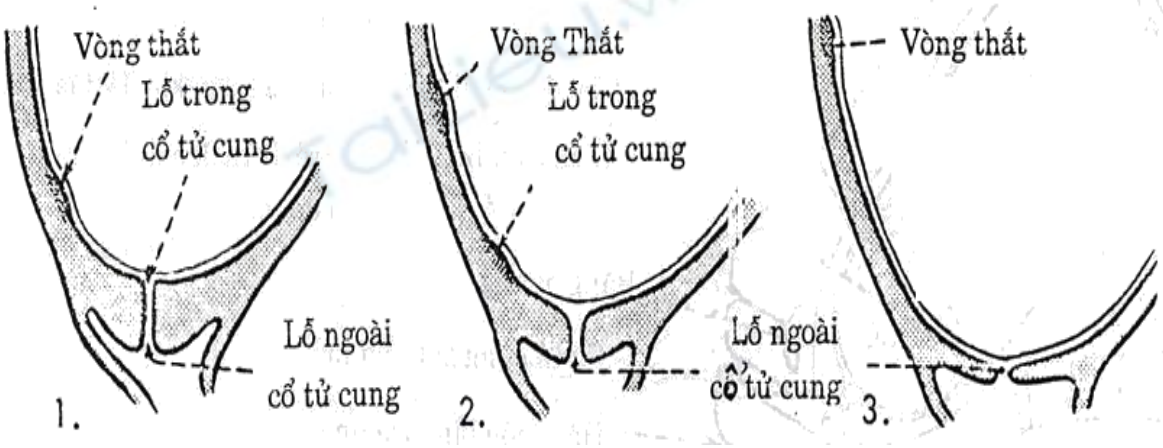

Cổ tử cung chưa xóa Cổ tử cung đang xóa Cổ tử cung xóa hết

Hình 1.2. Cổ tử cung xóa mở

- Thành lập đoạn dưới: Đoạn dưới chính là eo tử cung, đoạn dưới được hình thành dần trong giai đoạn cuối của thời kỳ thai nghén. Đoạn dưới được thành lập do eo tử cung giãn rộng, kéo dài và to ra từ 0,5 đến 10cm do tác dụng của cơn co tử cung.

- Giữa người con so và con rạ có sự khác biệt về hiện tượng xoá mở cổ tử cung.

+ Ở người con so, cổ tử cung xoá hết rồi mới mở và đoạn dưới tử cung thành lập từ những tháng cuối của thời kỳ thai nghén.

+ Ở người con rạ, cổ tử cung vừa xoá vừa mở và đoạn dưới chỉ thành lập khi mới bắt đầu chuyển dạ. Thời gian mở cổ tử cung ở người con rạ nhanh hơn so với người con so, tốc độ mở tối đa ở giai đoạn Ib có thể tới 5 - 7cm/giờ.

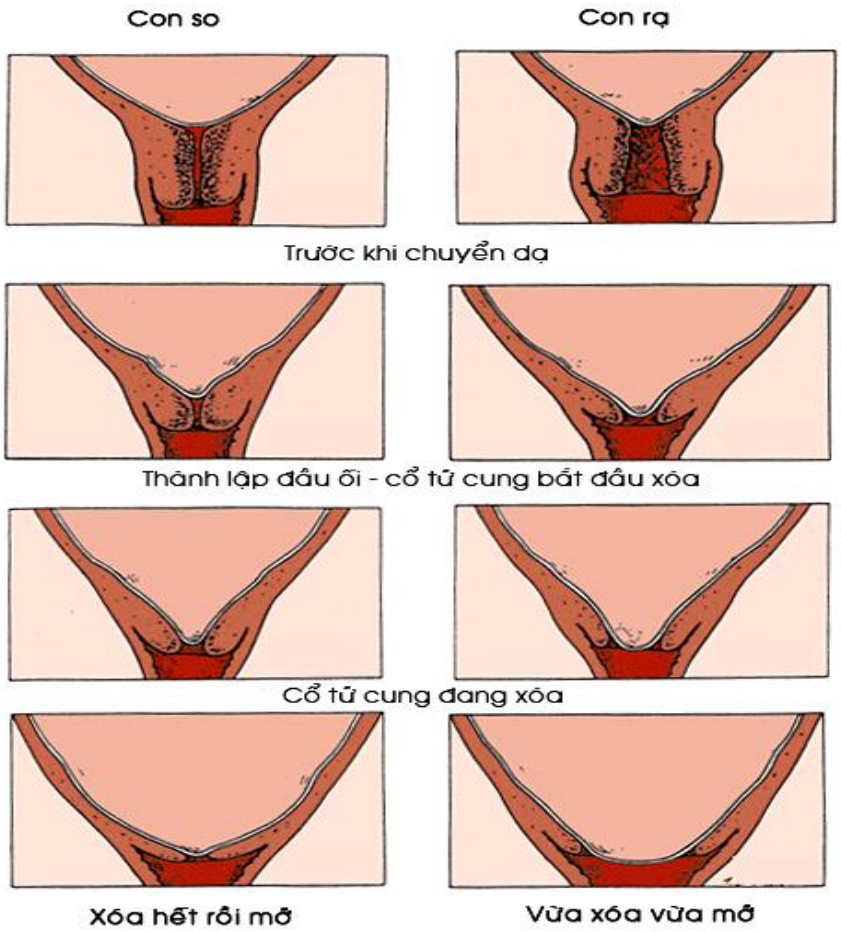

Hình 1.3. Sự xoá mở cổ tử cung giữa con so và con dạ

5.1.2. Thay đổi ở đáy chậu và tầng sinh môn

- Do áp lực của cơn co tử cung ngôi thai xuống dần trong tiểu khung, áp lực của ngôi thai đẩy dần mỏm xương cụt ra phía sau, đường kính mỏm cụt - hạ vệ thay đổi từ 9,5cm thành 11cm. Sức cản của các cơ phía tầng sinh môn sau đẩy ngôi thai hướng ra phía trước.

- Tầng sinh môn phồng to lên, vùng hậu môn âm hộ dài ra gấp đôi (bình thường 3 - 4cm, khi rãn có thể từ 12 - 15cm).

- Do tác dụng của cơn co tử cung và con co thành bụng, tầng sinh môn sau bị ngôi thai đè vào giãn dài ra, lỗ hậu môn mở rộng xoá hết các nếp nhăn. Sự tiến triển của ngôi thai thường gây són đái, phân thoát ra ngoài khi ngôi thai xuống.

5.2. Thay đổi về phía thai

- Áp lực của cơn co tử cung đẩy thai nhi từ trong buồng tử cung ra ngoài theo cơ chế đẻ. Khi đoạn dưới được thành lập, ngôi thai cũng xuống thấp dần áp sát vào đoạn dưới và cổ tử cung, tạo điều kiện cho cổ tử cung mở tốt hơn.

- Trong quá trình chuyển dạ đẻ, thai nhi có hiện tượng uốn khuôn:

+ Ngôi thu hẹp đường kính lọt bằng cách cúi thêm (ngôi chỏm)

+ Hiện tượng chồng khớp sọ: Các xương ở vùng đỉnh sọ có thể chồng lên nhau để làm giảm đường kính của đầu.